

Bản án số: 63/2024/DS-ST
Ngày: 31-07-2024
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đình;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Chính;
Ông Võ Văn Chanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 226/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Châu Ngọc T**, sinh năm: 1970; địa chỉ cư trú: **Khóm C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau** (có đơn xin vắng).

Bị đơn: Bà **Hồ Kim N**, sinh năm: 1972; địa chỉ cư trú: **Khóm S, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau** (có đơn xin vắng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trần Hoàng P**, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: **Khóm S, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà **Châu Ngọc T** trình bày yêu cầu:

Bà **Hồ Kim N** làm chủ hụi, bà **Châu Ngọc T** là hụi viên; ngày 15/01/2022 âm lịch bà **N** mở 02 dây hụi 1.000.000 đồng, bà **T** tham gia 06 chung, mỗi dây vô 03 chung, hụi có 48 chung; một tháng khai 02 kỳ vào ngày 15, 30 âm lịch hàng tháng; mỗi dây hốt 01 chung, còn nuôi sống 04 chung, hụi đóng 36 kỳ thì ngưng; 04 chung hụi sống x 1.000.000 đồng/chung x 36 kỳ = 144.000.000 đồng. Ngày 20/4/2022 âm lịch bà **N** mở dây hụi 1.000.000 đồng có 46 chung, 01 tháng khai 02 kỳ vào ngày 06 và 20 âm lịch hàng tháng, bà **T** tham gia 03 chung, hốt 01

chung còn lại 02 chung, hụi khui 30 kỳ thì ngưng, số tiền 02 chung hụi sống là 60.000.000 đồng.

Đối trừ hụi sống và hụi chết bà **N** có trả 10.000.000 đồng, còn nợ 173.700.000 đồng, phía bà **N** nói nợ 172.700.000 đồng bà **T** cũng đồng ý với bà **N** là còn nợ 172.700.000 đồng; yêu cầu bà **N** có trách nhiệm trả tiền hụi còn nợ là 172.700.000 đồng.

Còn việc buộc ai trả thì do Tòa án quyết định, vì bà chỉ muốn lấy lại tiền hụi chứ không có yêu cầu gì khác.

Về lãi suất không yêu cầu.

*Bị đơn bà **Hồ Kim N** trình bày:*

Tôi là chủ hụi, bà **T** là hụi viên, hụi mở ngày 15/01/2022 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, một tháng khui 02 kỳ vào ngày 15 và 30 âm lịch hàng tháng, hụi có 48 chung, bà **T** tham gia 06 chung hụi của 02 dây hụi, mỗi dây bà **T** tham gia 03 chung và 02 dây đã hốt 02 chung còn lại 04 chung hụi sống, hụi đóng 36 kỳ thì ngưng hụi, 36 kỳ x 04 chung hụi sống = 144.000.000 đồng.

Ngày 20/4/2022 âm lịch bà **N** mở thêm dây hụi 1.000.000 đồng có 46 chung, 01 tháng khui 02 kỳ vào ngày 06 và 20 âm lịch hàng tháng, bà **T** tham gia 03 chung, hốt 01 chung còn lại 02 chung, hụi khui 30 kỳ thì ngưng, số tiền 02 chung hụi sống là 60.000.000 đồng.

Đối trừ hụi sống và hụi chết với nhau tôi còn nợ bà **T** 166.000.000 đồng; bà **T** hốt hụi tôi giao còn thiếu 16.700.000 đồng, nên cộng chung tôi nợ bà **T** 182.700.000 đồng, có trả 03 kỳ được 10.000.000 đồng.

Hiện tại còn nợ bà **T** 172.700.000 đồng, do hụi này tôi làm chủ và mở hụi tại nhà, việc này ông **Trần Hoàng P** chồng tôi (hiện nay đã ly hôn) cũng có biết và không có ý kiến gì, thu nhập từ hụi cũng để chi tiêu trong gia đình. Nên tôi yêu cầu ông **P** cùng có trách nhiệm thanh toán cho bà **T** số tiền 172.700.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Trần Hoàng P** không có ý kiến đối với vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn xin vắng không có ý kiến khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt cũng không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà **Châu Ngọc T** khởi kiện bà **Hồ Kim N** về tiền nợ hụi do bà **N** làm chủ. Quá trình giải quyết vụ án bà **N** xác định hụi khui tại nhà, thu nhập từ hụi nhằm phục vụ cho nhu cầu thiết yếu gia đình, ông **P** cũng biết và không phản đối việc bà làm chủ hụi, do đó giải quyết vụ án có liên quan đến ông **P** nên Tòa án đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có cơ sở.

- Nguyên đơn bà **Châu Ngọc T**, bị đơn bà **Hồ Kim N** có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Trần Hoàng P** được Tòa án triệu tập họp lệ 02 kỳ nhưng đương sự vẫn vắng mặt, áp dụng vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt đối với ông **P** là có căn cứ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp

Bà **T** khởi kiện bà **N** yêu cầu thanh toán tiền hụi còn nợ, quan hệ pháp luật là: “Tranh chấp tiền hụi”.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn

Bà **T** khởi kiện cho rằng bà **N** nợ tiền hụi do bà **N** làm chủ, trong thời gian giao dịch hụi bà **N** đình hụi, số tiền hụi bà **T** nuôi sống bà **N** chưa hoàn trả làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà **T** nên có cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện của bà **T**.

Xét yêu cầu khởi kiện đòi tiền hụi: Bà **T** khởi kiện bà **N** đòi tiền nợ hụi của bà đây hụi do bà **N** làm chủ hụi, bà **T** là hụi viên. Thấy rằng: Tại bản tự khai ngày 15/4/2024, biên bản hòa giải của Tòa án 24/4/2024 và ngày 26/6/2024 bà **N** thừa nhận còn nợ bà **T** tiền hụi 172.700.000 đồng (bút lục số 21, 22, 26, 27, 37,38); căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Do đó, xác định bà **N** còn nợ tiền hụi bà **T** là có thật và buộc thanh toán là có căn cứ.

[2.3] Xác định nghĩa vụ thanh toán

Khoản tiền bà **N** nợ bà **T** là nợ tiền hụi phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà **N** với ông **Trần Hoàng P**, bà **T** yêu cầu bà **N** thanh toán, bà **N** thừa nhận có nợ bà **T** khoản tiền trên và yêu cầu ông **P** cùng có trách nhiệm thanh toán. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ông **P** nhận được thông báo của Tòa án nhưng không phản đối ý kiến của bà **N**. Thấy rằng, việc bà **N** làm chủ hụi là kiếm thêm thu nhập cho gia đình, do nhiều người không đóng hụi chết nên phải đình hụi và thiếu hụi viên còn nuôi hụi sống. Mặt khác, tại bản án hôn nhân số 27/2024/HNGĐ-ST ngày 01/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn đã có hiệu lực pháp luật (bút lục số 53 - 61), phía ông **P** cũng thừa nhận kinh tế do bà **N** quản lý để chi tiêu cho gia đình, nên việc bà **N** làm hụi và nợ tiền hụi cũng vì mục đích phục vụ cho nhu cầu thiết yếu gia đình.

Theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định trách nhiệm liên đới của vợ, chồng; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy, buộc ông **P** có trách nhiệm cùng bà **N** thanh toán tiền hụi cho bà **T** là phù hợp.

Từ những phân tích trên, buộc bà **N** và ông **P** thanh toán cho bà **T** 172.700.000 đồng, do ông bà đã ly hôn nên mỗi người chịu trách nhiệm trả $\frac{1}{2} = 86.350.000$ đồng. Các đương sự chậm trả còn phải chịu lãi suất trên tổng số tiền chậm thi hành án.

Về lãi suất: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà **N** và ông **P** phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần thực hiện nghĩa vụ cho bà **T**, cụ thể: $172.700.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.635.000$ đồng; ông **P** và bà **N** mỗi người chịu $\frac{1}{2} = 4.317.500$ đồng.

Bà **T** không phải chịu án phí, có nộp tạm ứng án phí được nhận lại toàn bộ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Châu Ngọc T** về việc khởi kiện yêu cầu bà **Hồ Kim N** thanh toán tiền hội.

Buộc bà **Hồ Kim N** và ông **Trần Hoàng P** thanh toán tiền hội cho bà **Châu Ngọc T** 172.700.000 đồng, mỗi người có trách nhiệm thanh toán $\frac{1}{2} = 86.350.000$ đồng; bà **N** thanh toán 86.350.000 đồng, ông **P** thanh toán 86.350.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án trường hợp bà **N**, ông **P** chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng ông bà còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

- Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà **N** phải chịu 4.317.500 đồng; ông **P** phải chịu 4.317.500 đồng.

+ Bà **T** không phải chịu án phí, có nộp tạm ứng án phí 4.343.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013971 ngày 05/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Đính